



Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật lần cuối vào ngày 17 tháng 6 năm 2020

TỔNG SỐ CA BỆNH

2,132,321

27,975 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

116,862

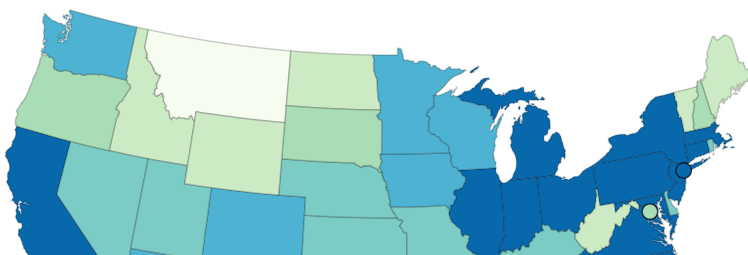
722 Số Ca Tử Vong Mới*



Số ca bệnh và tử vong theo khu vực phân quyền

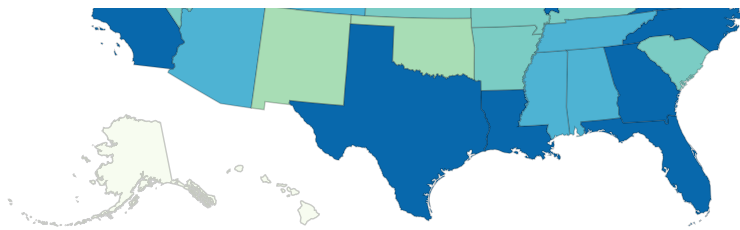
37 khu vực phân quyền báo cáo hơn 10,000 ca bệnh COVID-19.

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh và tử vong do COVID-19 theo báo cáo của các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột trên bản đồ để xem số ca bệnh và tử vong được báo cáo cho mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 1.000
- 1,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 20,000



20,001 đến 40,000 40.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân	Tổng Số Ca	Số ca bệnh đã	Số ca bệnh có	Tổng số tử vong	Số tử vong đã	Số tử vong có t
<input type="radio"/> Alabama	26,912	26,524	388	785	779	6
<input type="radio"/> Alaska	676	N/A	N/A	12	N/A	N/A
<input type="radio"/> American Samoa	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Arizona	39,097	38,754	343	1,219	1,140	79
<input type="radio"/> Arkansas	13,191	N/A	N/A	188	N/A	N/A
<input type="radio"/> California	153,560	N/A	N/A	5,121	N/A	N/A
<input type="radio"/> Colorado	29,442	26,795	2,647	1,617	1,291	326
<input type="radio"/> Connecticut	45,349	43,415	1,934	4,210	3,362	848
<input type="radio"/> Delaware	10,444	9,470	974	426	401	25
<input type="radio"/> Washington D.C.	9,818	N/A	N/A	520	N/A	N/A
<input type="radio"/> Florida	78,128	N/A	N/A	2,993	N/A	N/A
<input type="radio"/> Georgia	59,078	N/A	N/A	2,529	N/A	N/A
<input type="radio"/> Guam	188	N/A	N/A	5	N/A	N/A
<input type="radio"/> Hawaii	674	N/A	N/A	17	N/A	N/A
<input type="radio"/> Idaho	3,540	3,197	343	88	68	20
<input type="radio"/> Illinois	134,500	133,639	861	6,579	6,398	181
<input type="radio"/> Indiana	40,786	N/A	N/A	2,447	2,265	182
<input type="radio"/> Iowa	24,077	N/A	N/A	655	N/A	N/A
<input type="radio"/> Kansas	11,419	11,419	0	245	N/A	N/A
<input type="radio"/> Kentucky	12,829	12,490	339	512	510	2
<input type="radio"/> Louisiana	47,706	N/A	N/A	3,042	2,930	112
<input type="radio"/> Maine	2,819	2,499	320	101	N/A	N/A
<input type="radio"/> Marshall Islands	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Maryland	62,969	N/A	N/A	2,996	2,866	130
<input type="radio"/> Massachusetts	105,885	101,474	4,411	7,665	7,508	157
<input type="radio"/> Michigan	66,269	60,189	6,080	6,034	5,790	244
<input type="radio"/> Micronesia	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Minnesota	31,296	N/A	N/A	1,357	1,325	32
<input type="radio"/> Mississippi	20,641	20,500	141	939	923	16
<input type="radio"/> Missouri	16,414	N/A	N/A	882	N/A	N/A


<input type="radio"/> Montana	630	630	0	20	20	0
<input type="radio"/> Nebraska	17,031	N/A	N/A	231	N/A	N/A
<input type="radio"/> Nevada	11,658	N/A	N/A	467	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Hampshire	5,364	N/A	N/A	326	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Jersey	167,426	N/A	N/A	12,727	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Mexico	9,933	N/A	N/A	447	N/A	N/A
<input type="radio"/> New York	173,984	N/A	N/A	8,538	N/A	N/A
<input type="radio"/> New York City	212,505	207,821	4,684	22,171	17,487	4,684
<input type="radio"/> North Carolina	45,853	N/A	N/A	1,154	N/A	N/A
<input type="radio"/> North Dakota	3,124	N/A	N/A	74	N/A	N/A
<input type="radio"/> Northern Marian	30	30	0	2	2	0
<input type="radio"/> Ohio	42,010	38,911	3,099	2,597	2,362	235
<input type="radio"/> Oklahoma	8,437	8,423	14	371	371	0
<input type="radio"/> Oregon	6,098	6,098	0	182	182	0
<input type="radio"/> Palau	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Pennsylvania	79,818	77,543	2,275	6,319	N/A	N/A
<input type="radio"/> Puerto Rico	6,003	1,486	4,517	147	57	90
<input type="radio"/> Rhode Island	16,164	N/A	N/A	865	N/A	N/A
<input type="radio"/> South Carolina	19,990	19,990	0	607	607	0
<input type="radio"/> South Dakota	5,966	N/A	N/A	77	77	0
<input type="radio"/> Tennessee	31,830	31,612	218	493	472	21
<input type="radio"/> Texas	93,206	N/A	N/A	2,029	N/A	N/A
<input type="radio"/> Utah	14,826	N/A	N/A	144	N/A	N/A
<input type="radio"/> Vermont	1,130	N/A	N/A	55	N/A	N/A
<input type="radio"/> Virgin Islands	73	N/A	N/A	6	N/A	N/A
<input type="radio"/> Virginia	55,775	53,318	2,457	1,583	1,478	105
<input type="radio"/> Washington	26,531	N/A	N/A	1,231	N/A	N/A
<input type="radio"/> West Virginia	2,341	2,261	80	88	N/A	N/A
<input type="radio"/> Wisconsin	25,789	23,198	2,591	709	703	6
<input type="radio"/> Wyoming	1,089	866	223	18	18	0

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang
Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ USAFacts.org 

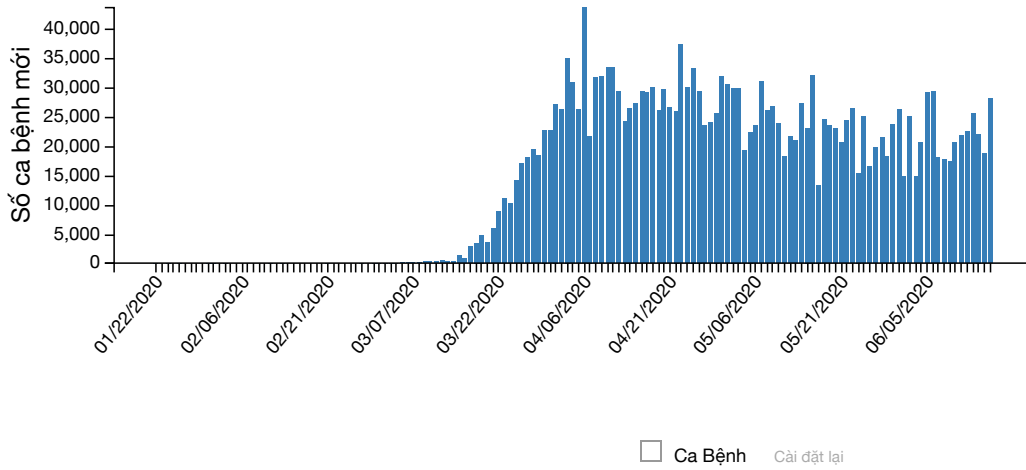
Chọn một Tiểu Bang



Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Xem dữ liệu

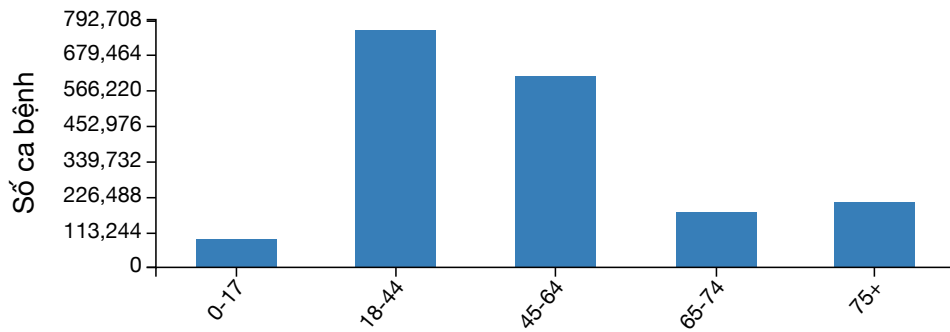
	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	0

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh theo độ tuổi

Biểu đồ sau thể hiện độ tuổi của người mắc COVID-19. Di chuột qua từng thanh hoặc nhấp vào dấu cộng (+) bên dưới biểu đồ để xem số ca bệnh theo từng nhóm tuổi.

Dữ liệu được thu thập từ 1.850.640 người và dữ liệu độ tuổi có sẵn cho 1.847.949 (99,9%) người.



Xem dữ liệu -

	0-17	18-44	45-64	65-74	75+
Số ca bệnh	90,976	759,292	612,608	177,765	207,308

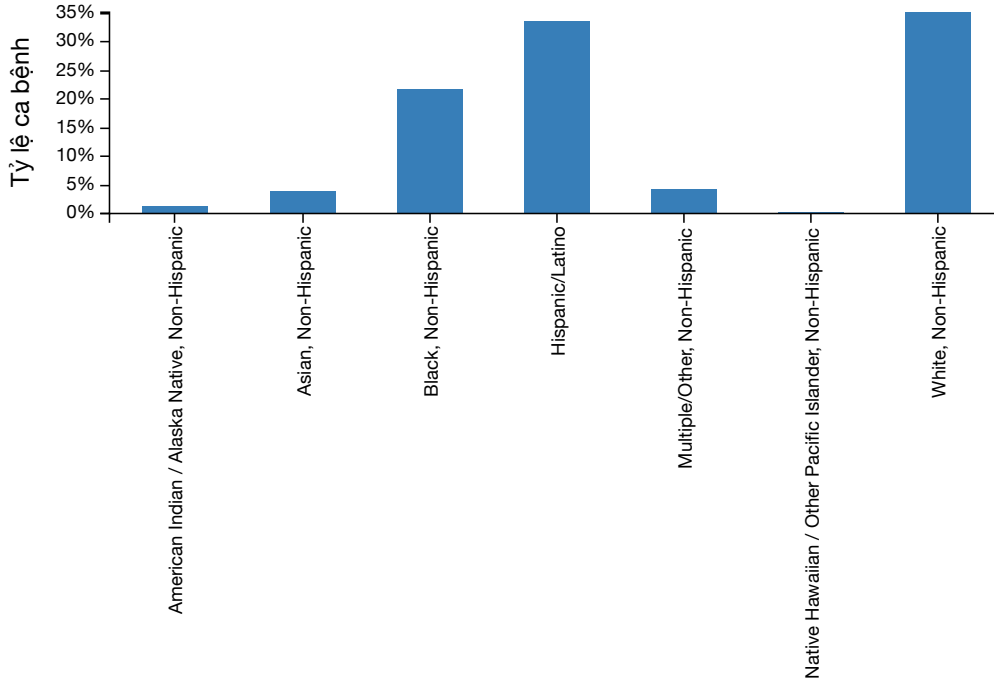
Các ca bệnh theo chủng tộc/dân tộc

Biểu đồ sau đây cho thấy chủng tộc/dân tộc của những người mắc COVID-19. Di chuột qua từng thanh hoặc nhấp vào dấu cộng (+) bên dưới biểu đồ để xem tỷ lệ phần trăm cho mỗi nhóm chủng tộc/dân tộc. Chọn từ danh sách thả xuống "Tuổi" để xem tỷ lệ phần trăm cho từng nhóm tuổi.

Dữ liệu được thu thập từ 1,850,640 người, nhưng chỉ có dữ liệu chủng tộc/dân tộc cho 880,868 (47.6%) người. CDC đang làm việc với các tiểu bang để cung cấp thêm thông tin về chủng tộc/dân tộc cho số ca bệnh được báo cáo. Tỷ lệ phần trăm số ca bệnh được báo cáo có dữ liệu chủng tộc/dân tộc đang tăng lên.

Lọc theo Tuổi: Tất cả các độ tuổi

Tuổi Tất cả các độ tuổi



Xem dữ liệu

	American Indian / Alaska Native, Non-Hispanic	Asian, Non-Hispanic	Black, Non-Hispanic	Hispanic/Latino	Multiple/Other, Non-Hispanic
Tỷ lệ ca bệnh	1.3%	3.9%	21.7%	33.5%	4.0%

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Những dữ liệu này chỉ đại diện cho các khu vực địa lý đã đóng góp dữ liệu về chủng tộc/dân tộc. Mỗi khu vực địa lý có thành phần chủng tộc và dân tộc khác nhau. Những dữ liệu này không thể khái quát chung cho toàn bộ dân cư Hoa Kỳ.

Nếu số ca bệnh được phân phối đồng đều giữa các nhóm dân tộc và chủng tộc, chúng ta dự tính sẽ thấy số ca bệnh cao hơn trong các nhóm dân cư có tỷ lệ đại diện cao hơn trong các khu vực địa lý đã đóng góp dữ liệu.

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 1.850.639 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 390.623 (21,1%) người. Trong số 78.609 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 49.940 (63,5%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

78.609

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

422

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Về Dữ Liệu

Được Cập Nhật Hàng Ngày

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.



Theo báo cáo của Sở Y tế của khu vực phân quyền

Dữ liệu trên trang này được sở y tế của từng khu vực phân quyền tự nguyện báo cáo cho CDC. CDC khuyến khích mọi khu vực phân quyền báo cáo thông tin chính xác và hoàn chỉnh nhất thể hiện tốt nhất tình hình đại dịch hiện tại của khu vực họ.

Số khu vực phân quyền

Hiện đã có 56 khu vực phân quyền thuộc Hoa Kỳ báo cáo số ca bệnh COVID-19. Các khu vực phân quyền này bao gồm 50 tiểu bang, Thủ đô Washington, Đảo Guam, Thành phố New York, Quần đảo Bắc Mariana, Puerto Rico và Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ. Số ca bệnh và tử vong của Tiểu bang New York không bao gồm số lượng của Thành phố New York vì chúng là hai khu vực phân quyền riêng biệt.

Số lượng xác nhận và có thể có

Tính đến ngày 14 tháng 4, 2020, số ca CDC và số ca tử vong bao gồm cả những ca đã xác nhận nhiễm và các ca có thể nhiễm và số ca tử vong. Sự thay đổi này được thực hiện nhằm thể hiện [báo cáo tình hình tạm thời về COVID-19](#)   do Hội Đồng Các Nhà Dịch Tế Học Lãnh Thổ và Tiểu Bang ban hành vào ngày 5 tháng 4 năm 2020. Báo cáo quan điểm này bao gồm định nghĩa về ca bệnh và làm cho COVID-19 trở thành căn bệnh phải khai báo trên toàn quốc. Các trường hợp bệnh đáng chú ý trên toàn quốc được các khu vực phân quyền tự nguyện báo cáo cho CDC.

Một [ca xác nhận nhiễm hoặc tử vong](#) được xác định bằng việc đáp ứng đầy đủ bằng chứng xét nghiệm xác nhận đối với COVID-19.

Một [ca có khả năng nhiễm hoặc tử vong](#) được xác định bằng một trong các hình thức sau:

- Đáp ứng tiêu chí lâm sàng VÀ bằng chứng dịch tế học mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID-19
- Đáp ứng bằng chứng xét nghiệm giả định VÀ tiêu chí lâm sàng HOẶC bằng chứng dịch tế học
- Đáp ứng tiêu chí về chỉ số sinh tồn mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID19

Không phải tất cả các khu vực phân quyền đều báo cáo số ca bệnh và tử vong được xác nhận hoặc có thể xảy ra cho CDC. Khi không có báo cáo cho CDC, thông tin này được ghi là không có (N/A).

Độ Chính Xác của Dữ Liệu

CDC không biết chính xác số lượng trường hợp mắc bệnh COVID-19, nhập viện và tử vong vì nhiều lý do. COVID-19 có thể gây ra bệnh nhẹ, các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay lập tức, có độ trễ trong báo cáo và xét nghiệm, không phải ai bị nhiễm đều được xét nghiệm hoặc tìm kiếm sự chăm sóc y tế, và có thể có sự khác biệt về cách xác nhận số liệu của các khu vực phân quyền.

Các thay đổi và biến động dữ liệu

Các sở y tế có thể cập nhật dữ liệu về số ca bệnh theo thời gian khi họ nhận được thông tin đầy đủ và chính xác hơn.

Số ca bệnh mới được báo cáo mỗi ngày sẽ biến đổi. Nói chung là sẽ có ít báo cáo hơn vào cuối tuần và ngày lễ.

Sự khác biệt về dữ liệu của CDC và khu vực phân quyền

Nếu số ca bệnh hoặc tử vong theo báo cáo của CDC khác với số liệu theo báo cáo của các sở y tế của khu vực phân quyền, dữ liệu theo báo cáo của các khu vực phân quyền sẽ được coi là mang tính cập nhật nhất. Sự khác biệt có thể là do thời gian báo cáo và cập nhật trang web.

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Lần cuối kiểm tra trang này: Ngày 17 Tháng Sáu năm 2020

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút